

# SỰ KẾ THỪA YẾU TỐ HỒN NHIÊN CỦA MỸ THUẬT DÂN GIAN VIỆT NAM TRONG MỸ THUẬT HIỆN ĐẠI (TỪ 1945-1975)

I CAO MINH HỒNG HẠNH

Email: cmhhanh6810@gmail.com

Trường Đại học Sài Gòn

## THE INHERITANCE OF NAIVE STYLE OF VIETNAMESE FOLK ARTS IN MODERN FINE ARTS (FROM 1945 TO 1975)

### ABSTRACT

Vietnamese folk art reflects naive, liberal, humor in Vietnamese people's culture and social life, that is an inspiration of modern artists. In Vietnamese modern art from 1945 to 1975, many artworks with artistic and historical values were created and formed by studying and inheriting the naive style of folk art in composition. At the present time, when folk culture and arts are gradually replaced by civilization, urbanism and globalization; the preservation, inheritance and promotion of the essences of folk art should be emphasized, especially in school education. It is necessary to initiate various forms of education to help learners become acquainted with folk art in a more inspiring way that improves folk art education for the younger generation.

**Keywords:** Folk arts, Vietnamese modern art, education in folk arts

### TÓM TẮT

Mỹ thuật dân gian mang nét đẹp hồn nhiên, lạc quan, phản ánh cuộc sống của người dân Việt Nam là nguồn cảm hứng sáng tạo độc đáo cho các nghệ sỹ hiện đại. Các giá trị đó đã được một số họa sỹ giai đoạn 1945 - 1975 kế thừa, phát huy và tạo ra những tác phẩm mang nét đẹp độc đáo; là tấm gương sáng cho thế hệ nghệ sỹ đương đại. Ngày nay, khi văn minh đô thị và toàn cầu hóa ngày càng phát triển, việc bảo tồn các giá trị truyền thống cần được chú trọng, đặc biệt là trong giáo dục. Cần đề ra các hình thức giáo dục đa dạng giúp người học tìm hiểu về mỹ thuật dân gian một cách sinh động nhằm phát triển giáo dục nghệ thuật dân tộc cho thế hệ trẻ.

**Từ khóa:** : Mỹ thuật dân gian, mỹ thuật Việt Nam hiện đại, giáo dục nghệ thuật dân tộc

### 1. Sơ lược về yếu tố hồn nhiên trong nghệ thuật dân gian

#### 1.1. Yếu tố hồn nhiên trong nghệ thuật dân gian phương Đông và phương Tây

Thuật ngữ “hồn nhiên” thường được gắn với những nhận thức có liên quan đến những nhận thức về sự tự nhiên, không trau chuốt, hoa mỹ của một vật thể. Trong lĩnh vực nghệ thuật, “hồn nhiên” thường là thuật ngữ được sử dụng để nói về nghệ thuật dân gian. Nghệ thuật dân gian mang ý nghĩa “trí tuệ nhân dân” do sự phản ánh và gắn chặt với cuộc sống, lý tưởng của nhân dân, mang đậm nét hồn nhiên, hóm hỉnh và dung dị (Trần Gia Linh, 2014).

Đối với mỹ thuật dân gian phương Đông, đặc biệt là những quốc gia có nền văn hóa bắt nguồn từ thời cổ xưa như Trung Quốc và Ấn Độ, đặc điểm hồn nhiên được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Việc hình thành trong các vùng nông thôn làm cho mỹ thuật dân gian mang đặc tính thẩm mỹ chất phác, ngây thơ, phản ánh

xu hướng tâm lý và cách suy nghĩ của đại đa số người dân. Tại Trung Quốc, việc thờ cúng các thế lực tự nhiên, đề cao sự sinh sản là những chủ đề chính trong nghệ thuật dân gian mà ngày nay vẫn được lặp lại và kế thừa (Cận Chi Lâm, 2015, tr.15, 16). Cụ thể như hoa văn nghệ thuật cắt giấy vùng phía bắc Sơn Tây có hình dạng tương tự như hoa văn được vẽ trên bình gốm Bán Pha, Hoàng Hà có niên đại 6000 năm trước. Hay hoa văn trên vải thêu của dân tộc Miêu vùng Đài Giang vẫn giữ được tính nguyên thủy với cách tạo hình tượng trưng mang tinh thần đề cao sự hòa hợp giữa con người với thiên nhiên và các vị thần... Nghệ thuật dân gian Ấn Độ phong phú về loại hình nhưng chủ đề chung vẫn là sự phản ánh thế giới quan và triết lý sống chân chất của người dân bằng những hình ảnh và biểu tượng của các vị thần, các hoạt động xã hội và phong tục. Tranh Madhubani, loại hình nghệ thuật dân gian nổi tiếng với những hình vẽ hình học giản đơn và cách sử dụng màu sắc rực rỡ; chủ đề chính là thể hiện về đấng tạo hóa; sự sinh sản, các lễ hội và

hiện tượng tự nhiên. Tranh Warli là thể loại tranh dân gian khác được nhận biết với đặc trưng hình màu trắng trên nền màu nâu, các hình vẽ cực kỳ thô sơ và bố cục tranh hình thành từ việc sắp xếp các hình dạng cơ bản, mô tả các câu chuyện kể về cuộc sống của bộ lạc, các nghi lễ chung, các nghi thức tôn giáo và sự tôn vinh các vị thần (Roy C. Craven, 2005).

Tại phương Tây, yếu tố hồn nhiên đã trở thành một phong trào hội họa vào cuối thế kỷ XIX, tôn vinh vẻ đẹp cô sơ, chất phác của nghệ thuật dân gian và phong cách của hội họa nguyên thủy. Việc phá bỏ các quy tắc hội họa là đặc tính cơ bản của các tác phẩm hội họa Hồn nhiên, trong tranh thường xuất hiện những hình ảnh sai lệch với phối cảnh biến đổi và những hình dạng không đồng đều; màu sắc mạnh, tươi vui bất kể thành phần và các chi tiết tỉ mỉ dù ở hậu cảnh hay tiền cảnh (P. Frider, 2009, tr. 130). Họa sỹ tiêu biểu nhất là Henri Rousseau, với những chân dung, cảnh rừng rậm và hình ảnh thực vật rực rỡ. Tranh của Rousseau mang đến cho người xem cảm giác về những chuyển động tạm ngừng, không gian sâu thẳm, tĩnh lặng, sự mãnh liệt, hồn nhiên với đôi mắt mở to với ánh nhìn trực diện của nhân vật, kết hợp những màu sắc tươi vui và đường nét gãy gọn (Sleeping Gypsy - 1897). Bên cạnh Rousseau, nhiều nghệ sĩ ở các quốc gia khác như Sidney Nolan, Grandma Moses, Horace Pippin...; là những họa sỹ tự đào tạo; đã vận dụng kinh nghiệm, di sản và nền tảng văn hóa dân tộc của họ để sáng tạo nên các tác phẩm Hồn nhiên chân thực, dễ tiếp cận và cho phép người xem từ nhiều nền văn hóa hiểu rõ hơn về suy nghĩ của các nghệ sĩ trên con đường đến với giáo dục nghệ thuật.

### 1.2. Yếu tố hồn nhiên trong mỹ thuật dân gian Việt Nam

Tính hồn nhiên trong mỹ thuật dân gian Việt Nam thể hiện rõ nhất ở các tác phẩm mỹ thuật có nguồn gốc từ các vùng nông thôn hay cao nguyên như các bức phù điêu trang trí đình làng Bắc bộ, điêu khắc tượng nhà mồ của các dân tộc Tây Nguyên và các bức tranh khắc gỗ dân gian.

*Thứ nhất*, trong chạm khắc trang trí gỗ đình làng - hình thức nghệ thuật nổi bật và phổ biến nhất của người dân vùng nông thôn Bắc Bộ - yếu tố hồn nhiên chính là sự khái quát về cái nhìn, triết lý sống tự do, chân chất, tìm cách vượt qua mọi ràng buộc trong xã hội của người nông dân, được đúc kết thông qua bàn tay khéo léo của chính người dân làng. Nội dung thường thấy của các tác phẩm chạm khắc đình làng là nội dung tín ngưỡng linh thiêng với các nhân vật thần thánh đã được biến đổi theo cách tư duy hồn nhiên của người thể hiện, khác hẳn với nghệ thuật cung đình (Trần Lâm Biên, 2017, tr. 116, 117). Thường thấy nhất là hình ảnh con rồng, con lân và tiên nữ với vân mây, hoa, lá đan xen ở xung quanh. Vẫn giữ nét oai vệ nhưng khác với nét oai nghiêm, cứng nhắc của

rồng, lân trong chạm khắc chính thống, rồng, lân đã được “dân gian hóa” trong cách tạo hình, trở nên uyển chuyển, khi mềm mại, lúc rắn rỏi, gằn gỏi, ngây ngô và hiện thực hơn (đình Kim Liên, Hà Nội; đình Bảng, Bắc Ninh; đình Lộc Dư, Hà Nội). Nội dung thể tục được tái hiện bằng hình ảnh mọi mặt cuộc sống sinh hoạt xã hội của người dân một cách sống động. Đó có thể là những điều thường ngày như chèo thuyền, chăn trâu; những điều người dân yêu thích như các thú vui tiêu khiển đá cầu, uống rượu, đánh cờ... và cuộc sống sinh hoạt tình cảm: trai gái vui đùa, tình tự... (đình Thổ Tang, Vĩnh Phúc; đình Liên Hiệp, đình Hoàng Xá, Hà Nội) mang nét đẹp độc đáo, bạo dạn, hồn nhiên và chân thực. Nhìn chung, phong cách tạo hình nhân vật trong phù điêu đình làng được thể hiện trong nhiều khía cạnh một cách tùy hứng, phóng khoáng, không gò ép, có khi được biến đổi dài, ngắn hoặc làm biến dạng, nhấn mạnh những đặc điểm muốn thể hiện bất kể tỷ lệ hay sự cân đối trong hình dáng để nhấn mạnh biểu cảm.

*Thứ hai*, trong điêu khắc dân gian Việt Nam, yếu tố hồn nhiên thể hiện rõ trong loại hình điêu khắc gỗ của người dân khu vực Tây Nguyên với nét đẹp nguyên sơ đặc biệt. Tượng gỗ dân gian Tây Nguyên là sự khắc họa tổng hợp những hình ảnh đời thường của cộng đồng: từ sinh hoạt đến lao động sản xuất. Với cách thức chất lọc mang khối, hình dáng tượng người xuất hiện tự do, sáng tạo không lệ thuộc vào thực tế. Hình dáng được thể hiện đơn giản nhưng rõ ràng, khúc chiết, cho thấy rõ động tác như đang bồng con, nhặt củi, giã gạo (dân tộc Êđê, Mnong ở Đak Lak); một số tượng mang phong cách mạnh mẽ hơn với bố cục chuyển động như phụ nữ mang bầu với đầu gối khum, tượng nam nữ giao hoan đặc tả kỹ lưỡng bộ phận sinh dục, tượng khoe sinh thực khí... (dân tộc Gia Rai, Ba Na ở Gia Lai). Các tượng thường mang biểu cảm rõ rệt, đặc tả cô đọng chân dung tượng với đặc điểm được nhấn mạnh như người khóc với hờ mắt sâu và khóe miệng trĩu, người cười miệng mở rộng để lộ răng, người tức giận trán nhú lại và môi mím chặt... (Hồ Thị Thanh Nhân, 2016).

*Thứ ba*, trong hội họa dân gian, yếu tố hồn nhiên là sự phản ánh rõ nét sinh hoạt xã hội dân dã và những suy nghĩ, tâm tư, ước vọng về cuộc sống của người dân. Nội dung thể hiện đời sống tín ngưỡng hoặc các hoạt động xã hội (Trang Thanh Hiền, 2019). Các bức tranh “Vinh hoa, Phú quý”, nói lên mong muốn về những điều tốt đẹp trong cuộc sống; “Đám cưới chuột”, “Thầy đồ cóc” phản ánh thói tham nhũng và tình trạng của giáo dục thời phong kiến bằng hình ảnh con vật được “nhân hóa” một cách hóm hỉnh; “Táo quân”, “Bà Chúa Thượng ngàn”, “Phật bà quan âm” là những bức tranh thể hiện các nhân vật tâm linh phổ biến trong tín ngưỡng thờ cúng tự nhiên hoặc trong đạo giáo. Nhìn chung, các bức tranh dân gian đều

chú trọng thể hiện thế giới quan hồn nhiên của người dân về cuộc sống thông qua vẽ một cách tự do, phóng khoáng. Các nét thẳng, nét gấp khúc, cong hay uốn lượn trong cách tạo hình được sử dụng tự do, nhịp nhàng, tạo nên lối vẽ đơn tuyến ngây ngô, đơn giản nhưng mạch lạc. Sự kết hợp linh động giữa nét, hình và mảng, lúc đặc, lúc thoáng phong phú; màu sắc sử dụng chủ đạo các màu tươi sáng như đỏ, vàng, cam, xanh lá... góp phần làm bật lên tinh thần của tác phẩm, thể hiện cái nhìn lạc quan, tươi sáng của người dân về mọi mặt cuộc sống xã hội.

## 2. Sự kế thừa và phát triển yếu tố hồn nhiên trong mỹ thuật Việt Nam hiện đại giai đoạn 1945 - 1975

### 2.1. Giai đoạn 1945 - 1954

Giai đoạn từ năm 1945 - 1975, phong cách và nội dung sáng tác chủ yếu của các nghệ sỹ Việt Nam chủ yếu là hiện thực xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó, tuy không nhiều nhưng cũng đã có sự nhen nhóm của những người muốn vượt ra khỏi khuôn khổ thông thường, tìm về cội nguồn, kết hợp kỹ thuật hiện đại để sáng tạo nên những tác phẩm nghệ thuật độc đáo.

Về điêu khắc, cái đẹp của các tác phẩm thời kỳ này là sự kết hợp giữa cái mộc mạc, hồn nhiên của hình khối với sự sâu sắc trong mô tả tâm trạng nhân vật (Nguyễn Quân, 2010). Như phù điêu sơn đắp “Hạnh phúc” (1949) của Nguyễn Thị Kim mang nét đẹp hồn nhiên giản đơn, mô tả tình cảm mẹ con trong khung cảnh thu hoạch vụ mùa được thể hiện bằng những hình khối tròn, những đường lượn và tỷ lệ co giãn theo cảm xúc: hình dáng người mẹ được kéo dài, các mảng hình lớn, phẳng như làm cho người mẹ trở nên to lớn hơn, đứa con trẻ bám lấy mẹ, nhỏ bé nhưng khỏe khoắn trong cách chạm khắc khối chân tay căng tròn, cử động hồn nhiên gần với điêu khắc dân gian. Điêu khắc đồng “Gia đình” của Nguyễn Thanh Tịnh cũng mô tả tình cảm gia đình với những mảng hình chắc khỏe, đường nét cong lượn cùng độ chìm nổi của khối mang giá trị trang trí, gợi chất dân gian Tây Nguyên trong cách thể hiện cô đặc, dứt khoát.

Về hội họa, giai đoạn này đã bắt đầu có sự phát huy kỹ thuật cổ truyền kết hợp với tạo hình mới trong hội họa. Với tranh lụa, nổi tiếng nhất là danh họa Nguyễn Phan Chánh, người chịu ảnh hưởng của tranh dân gian từ thuở nhỏ. Phong cách tranh lụa của ông là lối vẽ tô phẳng hoặc gợi khối rất nhẹ, màu đơn sắc với sắc độ nhòe mờ, nét đi liền, tinh và nuột tạo ra những đường viền gợi cảm, không gian sử dụng nguyên lý ước lệ của tranh dân gian. Tuy nhiên, về dựng hình thì lại theo giải phẫu học hiện đại phương Tây, tạo nét đẹp hiện thực trong sáng, gần gũi (Mẹ con - 1950). Trong sơn mài, tranh của Nguyễn Khang được chú ý với lối tạo hình dân gian, cách tạo hình vừa mang tính trang trí lại vừa tả thực ngây thơ. Đặc điểm các nhân vật trong tranh sơn mài của Nguyễn Khang là cách tạo hình khỏe mạnh, mộc mạc bằng những mảng hình

giản lược, chắc chắn và rõ ràng của lối vẽ trang trí không diễn khối, sử dụng màu nâu vàng chủ đạo với nền then sâu thẳm tạo không gian thi vị, huyền ảo, tượng trưng.

Giai đoạn 1945 - 1954 còn nổi lên thể loại tranh khắc gỗ cổ động phục vụ cho kháng chiến. Yêu cầu của thể loại tranh này là thể hiện và cổ vũ tinh thần kháng chiến, cần vẽ cho dễ hiểu để đến được với quần chúng nhân dân. Do vậy, tranh khắc gỗ cổ động thường có nét đẹp vừa chân thật vừa thơ ngây trong cách tạo hình đơn giản hóa tiếp thu từ tranh dân gian vốn đã quen thuộc với người dân như bức cổ động “Hà Nội vùng đứng lên” của Tô Ngọc Vân, “Vi sao - Vi ai” của Lương Xuân Nhị. Một số họa sỹ trong quá trình sáng tác với các chất liệu khác cũng đã có sự học hỏi từ nghệ thuật dân gian để phù hợp với yêu cầu của sáng tác trong thời chiến: Nguyễn Tiên Chung được cho là có phong cách tạo hình phát huy những nét khỏe mạnh, mộc mạc của tranh dân gian và chạm khắc cổ một cách trực tiếp (Nguyễn Quân, 2010), Mai Văn Hiến sáng tác tranh chứa đựng sự đơn giản, nhân hậu, pha chút dí dỏm của nghệ thuật dân gian với không khí nhộn nhịp và màu sắc tươi tắn, Phạm Văn Đôn với nét dân gian mộc mạc và màu sắc rực rỡ trong các tác phẩm in đá.

### 2.2. Giai đoạn 1954 - 1975

Sau khi hòa bình được lập lại ở miền Bắc năm 1954, điêu khắc phát triển mạnh hơn so với giai đoạn trước. Với những kiến thức đã có trước đó, kết hợp với ý thức khai thác truyền thống điêu khắc dân tộc phát triển mạnh mẽ, thể hệ điêu khắc gia thời kỳ mới bắt đầu khám phá nhiều chất liệu với phong cách khỏe khoắn, mộc mạc, hồn nhiên. Tượng của Mai Chửng mang vẻ đẹp mộc mạc, đơn giản, mạnh mẽ nhưng lại rất bay bổng, không sa đà vào mô tả hiện thực mà chỉ tập trung giữ lại những chi tiết cần thiết nhằm tạo hiệu quả trong nhịp điệu của hình khối và sáng tối, mang lại nét đẹp hồn nhiên, duyên dáng, ngọt ngào cho các tác phẩm (Bán thân - 1968). Một số điêu khắc gia khác cũng đã thành công với các tác phẩm mang nét đẹp khỏe khoắn, mộc mạc, gần gũi với điêu khắc dân gian như “Mẹ con” (1972) của Hoàng Văn Đệ, “Công nhân chăn nuôi” (1975) của Hà Trí Dũng, “Hũ gạo kháng chiến” (1968) của Đinh Rú, “Bà má nghiên trâu” (1973) của Lê Công Thành...

Giai đoạn 1954 - 1975 là giai đoạn nở rộ của hội họa hiện đại khi tự do cá nhân và tìm tòi sáng tạo phát triển mạnh mẽ. Nguyễn Quân (2010) cho rằng truyền thống dân tộc được khai thác và bảo tồn một cách có ý thức trong thời kỳ này. Nguyễn Tư Nghiêm được coi như người cụ thể hóa thành công nhất trong thời kỳ này với mục tiêu “dân tộc - hiện đại”. Nguồn cảm hứng dân gian được Nguyễn Tư Nghiêm vận dụng trong sáng tác thể hiện ở lối tạo hình nhân vật đơn giản

hóa thành các hình hình học, nét vẽ hồn nhiên, đơn giản liền mạch, bố cục xoay vòng hoặc đơn tuyến nhưng mạch lạc và cô đọng (Điều mùa cỏ - 1970). Một số tác phẩm hội họa khác cũng thể hiện sự học tập ngôn ngữ tạo hình của nghệ thuật dân gian như “Hòa bình hữu nghị” (1958) sơn mài của Nguyễn Khang giàu tính trang trí, vui tươi; “Kết nạp Đảng ở Điện Biên Phủ” (1963) sơn mài của Nguyễn Sáng mang cảm xúc hùng tráng mạnh mẽ với cách tạo hình giản lược, chắc khỏe; “Tan ca mời chị em đi họp đề thi thợ giỏi” (1972) sơn dầu của Nguyễn Đỗ Cung vui tươi, rực rỡ với gam màu trắng, vàng chủ đạo, hình dáng nhân vật liền mạch, nguyên khối, không vờn bóng nổi bật lên nét đẹp hồn nhiên, khỏe mạnh; “Thiếu nữ với hoa sen” (1972) sơn dầu của Nguyễn Sáng trữ tình, đầm thắm nhưng mạnh mẽ với hình ảnh dân gian tràn ngập trong không gian ước lệ.

Như vậy, mỹ thuật tạo hình Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975 đã tạo ra nhiều tác phẩm mang giá trị nghệ thuật và lịch sử mà các giai đoạn sau chưa thể sánh được. Điều đó đến từ ý thức đón nhận và tiếp nối nghệ thuật dân gian dân tộc, đón nhận những giá trị hiện đại nhưng cũng không quên tìm về cội nguồn như một nguồn cảm hứng độc đáo trong quá trình tìm tòi sáng tạo.

### 3. Giải pháp kế thừa, bảo tồn và phát huy các giá trị mỹ thuật dân gian Việt Nam

#### 3.1. Các giá trị của mỹ thuật dân gian Việt Nam

Nhìn chung, các loại hình mỹ thuật dân gian Việt Nam bộc lộ các giá trị nổi bật thông qua nội dung và phong cách tạo hình như sau:

Đầu tiên, về giá trị nội dung, chất hiện thực và nhân đạo là hai giá trị nổi bật nhất của mỹ thuật dân gian Việt Nam. Các tác phẩm mỹ thuật dân gian dù ở loại hình nào đều phản ánh mọi mặt cuộc sống sinh hoạt xã hội đúng như bản chất của nó. Có thể tìm thấy hình ảnh gân gỏi, đời thường; những cảnh sinh hoạt cuộc sống đến cả những thói hư tật xấu trong xã hội ở bất cứ đâu trong các tác phẩm mỹ thuật dân gian. Những hình ảnh đó hiện lên một cách rõ ràng, sống động và chân thực trong các tác phẩm điêu khắc, chạm khắc đến tranh mộc bản. Bên cạnh đó, tính hồn nhiên, lạc quan, hóm hỉnh, hài hước sâu sắc cũng là một trong những giá trị khiến cho mỹ thuật dân gian Việt Nam dễ dàng đi vào lòng người xem. Người dân đã đưa vào tác phẩm những khung cảnh yên ả của làng quê; những trò giải trí vui tươi, tinh nghịch của những người trai gái trẻ ẩn chứa tiếng cười ý nhị về mối quan hệ tình cảm trong dân gian. Ngay cả những thói xấu của xã hội cũng được thể hiện như một tiếng nói châm biếm, đả kích, chống lại những lễ thói, hủ tục thời kỳ phong kiến dưới con mắt sâu cay, trào phúng mà rất tinh tế để khuyên răn nhau về cách sống hướng thiện.

Kế đến, về giá trị tạo hình, bố cục phóng khoáng nhưng chặt chẽ và mảng khối giản lược, chắc khỏe, sống động là những giá trị rõ nét của mỹ thuật dân gian Việt Nam. Bố cục trong nghệ thuật dân gian không theo bất kỳ niêm luật nào. Tỷ lệ hình biến đổi dài ngắn, to nhỏ trong mối quan hệ giữa các khối với nhau một cách tự nhiên, không sao chép thực tế nhưng tạo được tổng thể hợp lý và thuận mắt; bố cục lại được sắp xếp theo lối đơn tuyến bình đồ, tạo không gian tượng trưng ước lệ. Sự kết hợp của các hình ảnh ngẫu ngộ, đơn giản trên mặt tranh dưới nhiều góc độ khác nhau như một cách quan sát “đi động”. Cách sử dụng màu sắc rực rỡ cũng góp phần tạo nên sự gân gỏi và sống động, cũng như làm rõ hơn nội dung và tinh thần của tác phẩm.

#### 3.2. Đề xuất một số biện pháp kế thừa và phát huy các giá trị mỹ thuật dân gian Việt Nam trong dạy học mỹ thuật

Đưa giáo dục mỹ thuật dân gian vào chương trình dạy học mỹ thuật trong nhà trường đã được thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ hai việc: thứ nhất, nội dung giáo khoa khô cứng, không gắn với thực hành và xa rời thực tiễn, làm cho kiến thức về mỹ thuật dân gian trở nên xa lạ, khó được người học tiếp nhận; thứ hai, cách thức tổ chức dạy học nhàm chán, chủ yếu dựa vào lý thuyết, không gắn lý thuyết vào thực tế dẫn đến dạy học không sinh động, không hứng thú và không truyền được cảm hứng đến cho người học.

Từ những nguyên do trên, việc thay đổi cách thức giáo dục mỹ thuật dân gian trở nên cần thiết để thế hệ trẻ có thể hiểu, làm quen, học tập và kế thừa các giá trị mỹ thuật truyền thống. Muốn đạt được hiệu quả giảng dạy cao, trước tiên, cần lồng ghép mỹ thuật dân gian và lịch sử, văn hóa địa phương vào trong chương trình giảng dạy. Mỗi vùng miền, mỗi địa phương đều có bản sắc văn hóa riêng, từ đó hình thành nên sự phát triển mạnh mẽ trong các lĩnh vực mỹ thuật khác nhau. Việc tích hợp đặc điểm lịch sử, văn hóa địa phương vào nội dung dạy học mỹ thuật giúp người học hiểu hơn về nguồn gốc, sự hình thành và phát triển của mỹ thuật dựa trên các yếu tố bản địa, từ đó người học dễ hiểu và dễ tiếp cận kiến thức, cũng như phát triển cảm giác tự hào khi kế thừa các giá trị mỹ thuật dân gian theo vùng miền.

Tiếp theo, mỹ thuật dân gian xuất phát từ việc quan sát cuộc sống thiên nhiên và cuộc sống xã hội, phản ánh kinh nghiệm sống và triết lý sống của người dân. Do vậy, cần tích hợp vào nội dung giảng dạy những kiến thức về sự lý giải dân gian về thế giới, về cuộc sống, để từ đó giải thích về những phong tục, tập quán, những lễ hội hay lối sống sinh hoạt được hình thành dựa trên thế giới quan đó. Từ đây giải thích sự kết nối và thể hiện của văn hóa, xã hội vào trong

## ARTS

mỹ thuật như thế nào. Như vậy, người học không chỉ tìm hiểu về mỹ thuật mà còn có thể hiểu về các kiến thức liên ngành khác.

Cuối cùng, cần mở rộng việc vận dụng mỹ thuật dân gian truyền thống với các giá trị hiện đại để tạo ra những sản phẩm mỹ thuật, mỹ nghệ có thể ứng dụng vào đời sống. Việc học tập mỹ thuật dân gian có thể được vận dụng kết hợp với kiến thức và kỹ thuật tạo hình hiện đại để tạo ra các sản phẩm mỹ thuật ứng dụng. Cụ thể như sao chép lại tác phẩm mỹ thuật dân gian bằng các chất liệu hiện đại, vận dụng cách tạo hình của mỹ thuật dân gian vào sáng tạo tác phẩm mỹ thuật, sản xuất sản phẩm mỹ thuật ứng dụng, sản phẩm mỹ nghệ phục vụ cho xã hội, cuộc sống... Điều này giúp người học tiếp nhận nhanh hơn, rõ ràng và gần gũi hơn trước khi có cơ hội đào sâu tìm tòi, khai thác về mỹ thuật dân tộc một cách chuyên sâu.

### 4. Kết luận

Mỹ thuật dân gian Việt Nam mang nét đẹp hồn nhiên, vui tươi, phóng khoáng, phản ánh triết lý cuộc sống của người dân Việt Nam một cách tinh tế, sâu sắc. Các giá trị đó đã được các nghệ sỹ tạo hình Việt Nam hiện đại tiếp nhận, học tập và phát huy để tạo ra những dấu ấn cá nhân đặc biệt trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, tạo ra một thời kỳ phát triển rực rỡ của mỹ thuật Việt Nam hiện đại. Đó là điều mà hiện nay, những người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật và giáo dục nghệ thuật cần học hỏi, trong điều kiện xã hội hiện đại, khi các luồng văn hóa đa dạng được du nhập và giới trẻ có xu hướng tiếp nhận những giá trị văn hóa ngoại quốc hơn là trở về với các giá trị văn hóa dân tộc.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Roy C. Craven - Nguyễn Tuấn, Huỳnh Ngọc Trảng dịch (2005), *Mỹ thuật Ấn Độ*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
2. Dundes, A. (1965), *The study of folklore (First Edition.)*, London: Pearson College Div.
3. P. Fride & R. Carrasat & I. Marcade - Lê Thanh Lộc dịch (2009), *Các phong trào hội họa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
4. Trần Lâm Biền (2017), *Đình làng Việt (Châu thổ Bắc bộ)*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
5. Trang Thanh Hiền (2019), *Tranh Tết. Nét tinh hoa truyền thống Việt*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
6. Cận Chi Lâm (2015), *Mỹ thuật dân gian Trung Quốc*, Nxb Tổng hợp TP.HCM, TP. Hồ Chí Minh.
7. Trần Gia Linh (2014), *Nghiên cứu tư liệu lý luận văn hóa dân gian Việt Nam (Quyển I)*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
8. Hồ Thị Thanh Nhàn (2016), *Tượng gỗ Gia Rai, Ba Na: Sự khác biệt về phong cách giữa các nhóm địa phương*, *Di sản văn hóa vật thể*, 3 (56), 61-64.
9. Nguyễn Quân (2010), *Mỹ thuật Việt Nam thế kỷ 20*, Nxb Tri Thức, Hà Nội.
10. Glassie, H. H. (1995), *The Spirit of Folk Art: The Girard Collection at the Museum of International Folk Art (Reprint Edition.)*, New York: Harry N. Abrams.